

Bản án số: 18/2021/HNGĐ-ST  
Ngày 28 – 01 - 2022  
V/v ly hôn

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÀM DƠI, TỈNH CÀ MAU**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Trương Minh Thịnh

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông Châu Trung Trực

Ông Hồ Thanh Phong

***- Thư ký phiên tòa:*** Bà Hà Thị Diễm My là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đam Dơi.

Ngày 28 tháng 01 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đam Dơi xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 398/2021/TLST - HNGĐ ngày 14 tháng 12 năm 2021 về việc ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 07 tháng 01 năm 2022 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Trần Thị L, sinh năm 1970; cư trú tại: Ấp 6, xã TH, huyện TVT, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

- *Bị đơn:* Ông Tô Việt K, sinh năm 1968; cư trú tại: Ấp TT, xã TT, huyện DD, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Bà Trần Thị L trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Vào năm 1990, bà L với ông Tô Việt K tự nguyện chung sống với nhau, không có đăng ký kết hôn. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, nhưng thời gian sau vợ chồng thường xuyên cãi nhau do bất đồng quan điểm. Vợ chồng đã ly thân 06 năm. Nay bà L yêu cầu được ly hôn với ông K.

- Về con chung: Vợ chồng có 01 người con tên Tô Thị Huỳnh N, sinh năm 1996. Hiện cháu N đã trưởng thành và có gia đình riêng nên khi ly hôn không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung và các vấn đề khác: Vợ chồng không có tài sản chung, không có nợ người khác và không có người khác nợ lại vợ chồng.

*Đối với ông Tô Việt K đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, nhưng ông không có ý kiến về nội dung, yêu cầu khởi kiện của bà L.*

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Bà Trần Thị L khởi kiện yêu cầu giải quyết về quan hệ hôn nhân với ông Tô Việt K là vụ kiện tranh chấp ly hôn, do đó thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 và điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về tố tụng: Bà L có đơn xin xét xử vắng mặt. Ông K đã được Tòa án triệu tập hợp lệ, nhưng vắng mặt tại phiên tòa không có lý do. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt đối với bà L, ông K.

[3] Xét về quan hệ hôn nhân, Hội đồng xét xử thấy rằng: Vào năm 1990, bà L và ông K chung sống với nhau trên tinh thần tự nguyện, không có đăng ký kết hôn theo quy định. Như vậy, mối quan hệ hôn nhân giữa bà L và ông K không được pháp luật công nhận và bảo vệ.

[4] Xét về con chung, Hội đồng xét xử nhận thấy: Quá trình chung sống, bà Ln và ông K có 01 người con chung hiện đã trưởng thành. Khi ly hôn, không yêu cầu Tòa án giải quyết, do đó Hội đồng xét xử không đặc ra giải quyết.

[5] Xét về tài sản chung và các vấn đề khác: Bà L xác định vợ chồng không có tài sản chung, không có nợ người khác và không có người khác nợ lại vợ chồng nên không yêu cầu Tòa án giải quyết, còn ông Ki thì không có ý kiến. Do đó, Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

[6] Xét về án phí dân sự: Bà L phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định tại điểm a khoản 5 của Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 5; Điều 91; Điều 147 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 14; Điều 15; khoản 2 Điều 53 của Luật Hôn nhân và Gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị L.

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận bà Trần Thị L với ông Tô Việt K là vợ chồng.

2. Về án phí dân sự: Bà Trần Thị L phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số 0011776 ngày 14 tháng 12 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi; bà Trần Thị Liền đã nộp đủ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án tổng đạt hợp lệ.

**Nơi nhận:**

- Đương sự;
- Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Đầm Dơi;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**(đã ký)**

**Trương Minh Thịnh**